

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 6 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đỗ Toàn

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn:* Anh Đồng Văn O, sinh năm 1974 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Đầu ĐKKH: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện điều tạm trú: Khu B1 2, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đồng Văn O kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 01 tháng 01 năm 2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính tình đôi bên không phù hợp, nên thường xuyên xảy ra va chạm. Tình cảm, quan hệ sinh hoạt vợ chồng chị không đáp ứng được nên từ năm 2011 chị đã đề nghị ngủ riêng cùng anh O. Tình cảm không thể đáp ứng, kinh tế không tin tưởng, năm 2013 chị đã viết đơn xin ly hôn anh O. Song vì các con chị đã cố gắng chịu đựng. Nhưng càng chịu đựng thì cuộc sống hôn nhân càng áp lực, ngột ngạt hơn. Do vậy, năm 2018 chị và anh O

đã phải lập biên bản thỏa thuận phân chia nơi ở, đầu năm 2021 chị đã phải thuê nhà ra ở riêng. Cho đến nay chị xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể khắc phục được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh O để giải phóng về tinh thần cũng như thể chất cho bản thân chị.

Bị đơn anh Đồng Văn O trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/01/2004. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau bình thường cho đến khi sinh cháu thứ hai năm 2011 thì vợ chồng mới ngủ riêng cho đến nay, nhiều khi tình cảm không được mặn mà, tình cảm vợ chồng xa cách, không có tiếng nói chung. Năm 2018 chị T đã tự sống ly thân, vợ chồng đã không quan hệ với nhau trong thời gian 6 tháng. Đến đầu năm 2021, chị T đã tự thuê nhà riêng. Nay chị T xin ly hôn anh thấy tình cảm của anh đối với chị T vẫn còn, cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, nên anh không nhất trí ly hôn cùng chị T.

Về con chung: Chị T và anh O có 02 con chung là Đồng Thị Kim Y, sinh ngày 21/5/2005 và Đồng Phương Ánh D, sinh ngày 22/5/2011. Hiện hai cháu đang ở cùng chị T. Nay chị T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu anh O cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh O xác định việc nuôi dưỡng con chung là tùy tâm của mỗi bên, anh tôn trọng nguyện vọng của các cháu và không có ý kiến gì.

Các cháu Đồng Thị Kim Y và Đồng Phương Ánh D đều xác nhận cuộc hôn nhân giữa anh O và chị T không có hạnh phúc, tình cảm giữa bố và mẹ dành cho nhau không có. Hiện chị T không thể chịu đựng được nữa nên phải dọn nhà ra ở riêng. Mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên các cháu cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn để cùng giải phóng cuộc sống cho bố và mẹ các cháu. Trong thời gian các cháu chưa đủ tuổi trưởng thành, thì các cháu đều có nguyện vọng đề nghị chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh O tự thỏa thuận, đôi bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường M cung cấp: Chị T và anh O đăng ký kết hôn tại UBND xã L, K, Hải Dương. Hiện chị T và anh O đăng ký tạm trú tại khu B1 2, phường M. Quá trình chung sống chị T và anh O xảy ra mâu thuẫn, chị T đã dọn nhà thuê nơi ở khác tại địa phương, vợ chồng tự sống ly thân. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, thì địa phương đề nghị tòa án xem xét giải quyết về quan hệ vợ chồng và con chung theo quy định của pháp luật. Về con chung và tài sản chung, nợ chung địa phương không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh O vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Về đường lối giải quyết, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, khoản 3 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đồng Văn O.

- *Về con chung*: Giao cháu Đồng Thị Kim Y - sinh ngày 21/5/2005 và cháu Đồng Phương Ánh D - sinh ngày 22/5/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 5/2021 đến khi cháu Y và cháu Dương trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, riêng, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Đồng Văn O có đăng ký hộ khẩu tạm trú tại khu B1 2, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình đưa vụ án ra xét xử anh Đồng Văn O không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND thị xã K áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Đồng Văn O là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Đồng Văn O trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị T đề nghị xin ly hôn anh O, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có sự tin tưởng, trách nhiệm về kinh tế cũng như tình cảm, nên không xây dựng được cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Năm 2018 anh chị đã tự lập biên bản thỏa thuận phân chia nơi ở và tài sản khi ly thân, hiện chị T đã sống thuê nhà nơi ở khác tại địa phương M. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh O đều vắng mặt trong quá trình đưa vụ án ra xét xử. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ

hôn nhân giữa chị T và anh O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đồng Văn O là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh O có 02 con chung là cháu Đồng Thị Kim Y, sinh ngày 21/5/2005 và cháu Đồng Phương Ánh D, sinh ngày 22/5/2011. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của cả hai bên, phù hợp nguyện vọng của các cháu, cũng như điều kiện thực tế hiện chị T đang nuôi dưỡng các cháu, nên cần chấp nhận giao 02 cháu Đồng Thị Kim Y và Đồng Phương Ánh D cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, riêng; số nợ chung, riêng: Chị T và anh O đều không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đồng Văn O.

2. Về con chung: Giao 02 cháu là Đồng Thị Kim Y, sinh ngày 21/5/2005 và cháu Đồng Phương Ánh D, sinh ngày 22/5/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0004085 ngày 11/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đồng Văn O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND xã L, K, Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền